

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2025

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Hùng, ông Nguyễn Quốc Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc: *Ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXX- ST ngày 28 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Quàng Thị N - sinh năm 1974. Nơi cư trú: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản C, xã Q, tỉnh Điện Biên). Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lường Văn T – sinh năm 1969. Nơi cư trú: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản C, xã Q, tỉnh Điện Biên). Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chị Quàng Thị N trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 1991 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người đăng ký kết hôn ngày 01/9/1991 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi nhau do bất đồng về quan điểm sống, đến nay nguyên đơn thấy không còn tình cảm và không thể chung sống với bị đơn được nữa, do đó nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Hai người có 03 con chung là Lường Thị T1 - sinh ngày 08/11/1994, Lường Thị K – sinh ngày 06/3/1995, Lường Văn Q – sinh ngày

09/01/2006. Các con đã trưởng thành và lập gia đình riêng nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập và nhiều lần xác minh tại nơi cư trú nhưng bị đơn đều không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ.

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình.

Về Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn thì bị đơn có nơi cư trú tại Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là Bản C, xã Q, tỉnh Điện Biên) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt không có lý và nguyên đơn đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 15/8/2025 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự do bị đơn vắng mặt không có lý do.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Quàng Thị N và anh Lương Văn T là hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn xuất phát từ việc hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng giữa hai người đến nay không còn. Do đó xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho ly hôn.

[3] Về con chung: Do 03 con chung đã trưởng thành và lập gia đình riêng, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ phải thu: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 1

của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Quàng Thị N được ly hôn với anh Lương Văn T.

2. Về án phí: Nguyên đơn Quàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8 ngày 06/6/2025. Chị Quàng Thị N đã nộp đủ.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 3, tỉnh Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Quài Tở, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tòng Thị Lan